TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN XUÂN TRƯỜNG** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 92 /2021/HNGĐ-ST
Ngày 30 - 7 - 2021
V/v ly hôn giữa
Anh P và chị L

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN TRƯỜNG, TỈNH NAM ĐỊNH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Ngọc Quỳnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vũ Xuân Thùy;

Ông Trần Đình Phấn.

- ***Thư ký phiên toà:*** Ông Nguyễn Thế Vinh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường tham gia phiên toà:*** Bà Khổng Thị Tươi - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 31/2021/TLST-HNGĐ ngày 31/3/2021 về việc "Ly hôn, nuôi con sau khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: Anh Võ Phước Hoài P, sinh năm 1974;

Địa chỉ: thôn 3, xã H, huyện K, tỉnh Đăklăk;

* *Bị đơn*: Chị Trần Thị L, sinh năm 1975;

Địa chỉ: Xóm 1, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định.

(Anh P và chị L vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình tố tụng tại Tòa án, anh Võ Phước Hoài P trình bày: Anh và chị Trần Thị L kết hôn là do tự nguyện tìm hiểu, đã được Ủy ban nhân dân xã H, huyện K, tỉnh Đăk Lăk đăng ký kết hôn ngày 02/7/2001. Sau khi kết hôn vợ chồng về Nam Định chung sống hòa thuận,

hạnh phúc được một thời gian. Do anh làm nghề lái xe nên thời gian gần chị L ít hơn nên vợ chồng ít quan tâm đến nhau. Tuy cố gắng sắp xếp công việc để gần gũi nhau nhưng không có kết quả. Từ 02/9/2019 vợ chồng không quan tâm đến nhau nữa. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên xin được ly hôn chị Trần Thị L.

Về con chung: Anh và chị L có 02 con chung là Võ Hoàng L1 sinh ngày 07/01/2002 đã trưởng thành; Võ Hoàng M sinh ngày 04/3/2004 hiện đang ở với chị L. Khi ly hôn anh nhất trí để chị L nuôi cháu M vì nguyện vọng của cháu M cũng muốn ở với mẹ.

Về tài sản chung, nghĩa vụ tài sản: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh có đơn xin không hòa giải nữa và xin xét xử vắng mặt anh.

Theo lời khai trong quá trình tố tụng tại Tòa án, chị Trần Thị L trình bày: Chị và anh P kết hôn đã được Ủy ban nhân dân xã H, huyện K, tỉnh Đăk Lăk đăng ký kết hôn ngày 02/7/2001. Sau khi kết hôn vợ chồng về Nam Định chung sống làm ăn. Đầu năm 2020 anh P đi miền Nam làm ăn ít khi về nhà, tình cảm của anh đối với chị lạnh nhạt, không quan tâm đến chị. Vợ chồng không có cơ hội hàn gắn tình cảm. Chị hỏi lý do anh P không nói. Chị xác định tình cảm vợ chồng của chị đối với anh vẫn còn nên chị không đồng ý ly hôn mong anh P suy nghĩ lại đoàn tụ nuôi con.

Về con chung: anh chị có 02 con chung là Võ Hoàng L1 sinh ngày 07/01/2002 đã trưởng thành; Võ Hoàng M sinh ngày 04/3/2004 hiện đang ở với chị L. Nếu Tòa án giải quyết ly hôn chị xin nuôi cháu M và không yêu cầu anh cấp dưỡng nuôi con, còn việc cấp dưỡng do anh suy nghĩ tùy lương tâm của anh.

Về tài sản: anh chị không có tài sản, nghĩa vụ tài sản chung nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, các đương sự tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do nên Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung, căn cứ vào các Điều 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử: Xử ly hôn giữa anh Võ Phước Hoài P và chị

Trần Thị L; giao cháu Võ Hoàng M sinh ngày 04/3/2004 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận chị L tự nguyện không yêu cầu anh P phải cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn vắng tại phiên tòa lần thứ hai nhưng không có lý do nên nên căn cứ khoản 1 Điều 228; điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh P và chị L kết hôn đã được Ủy ban nhân dân xã H, huyện K, tỉnh Đăk Lăk đăng ký kết hôn ngày 02/7/2001. Trong quá trình chung sống chị L và anh P phát sinh mâu thuẫn do anh P đi làm ăn trong miền Nam, ít đi về, khi về không quan tâm đến chị L, cơ hội gần nhau không có; vợ chồng không còn quan tâm đến nhau từ đầu năm 2020 đến nay. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổ chức hòa giải giữa anh P và chị L nhiều lần để anh chị tìm cơ hội đoàn tụ nhưng anh P không đồng ý hòa giải, không về tham gia hòa giải khi Tòa án tổ chức, vẫn giữ quan điểm ly hôn chị L. Chị L thì không nhất trí ly hôn anh P và mong anh P suy nghĩa lại để vợ chồng tìm giải pháp đoàn tụ và Tòa án cũng đã cho chị L thời gian để tìm giải pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng với anh P nhưng không có kết quả. Xét thấy mâu thuẫn giữa anh P và chị L không tìm được giải pháp hàn gắn hạnh phúc, không còn quan tâm, chăm sóc đến nhau nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh P đối với chị L là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về việc nuôi con chung: Cháu Võ Hoàng L1 đã tự lập trưởng thành. Cháu Võ Hoàng M đang ở với chị, chị có nguyện vọng nuôi cháu M, không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con chung, cháu M cũng có nguyện vọng ở với mẹ; Vì thế giao cháu M cho chị L nuôi dưỡng, chấp nhận chị tự nguyện không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi cháu M. Anh P có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

[4] Về tài sản, nghĩa vụ về tài sản: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5] Về án phí: Anh P phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa anh Võ Phước Hoài P và chị Trần Thị L.

2. Về nuôi con chung: giao cháu Võ Hoàng M sinh ngày 04/3/2004 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận chị L tự nguyện không yêu cầu anh P phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh P phải nộp án phí ly hôn 300.000đ, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp theo biên lai thu số 0002009 ngày 31/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định; anh P đã nộp đủ.

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND + VKSND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện Xuân Trường;
- Chi cục THADS huyện Xuân Trường;
- UBND xã H; xã X;
- Các đương sự;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phạm Ngọc Quỳnh